TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-PT

Ngày: 05/8/2025.

V/v tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập** - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2025/TLPT-DS ngày 20/5/2025 về tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 19/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hoàng Thị T - sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Phạm Văn Q (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2024); địa chỉ: khu phố I, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố I, phường N, tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

2. Bị đơn: ông Phan P - sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: ông Phùng Thế Q1 (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2024); địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố A, xã C, tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Bà Lê Thị O - sinh năm 1959; anh Phan Ngọc Tinh V; anh Phan Ngọc Tinh S; chị Phan Ngọc Thùy D; cùng địa chỉ: khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Chị Phan Thị Thu N - sinh năm 1990; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Chị Phan Thị Thu S1 - sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn C, phường Đ, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

- Chị Phan Thị Mỹ N1 - sinh năm 2001; chị Phan Thị Mỹ N2 - sinh năm 2007; anh Phan Văn Đ - sinh năm 2009; cùng địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Bà Lê Thị T1 - sinh năm 1938; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

- Ông Phan Minh D1 và ông Phan Minh K; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Phan P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024, khởi kiện bổ sung ngày 13/6/2024, biên bản hòa giải ngày 20/12/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Năm 1996, ông Phan P có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phan D, bà Hoàng Thị T một mảnh vườn 3.000m^2 (có diện tích 80m x 40m) nay thuộc thôn N, xã T, huyện T. Sau khi trả đủ tiền cho ông Phan P thì ông P viết Giấy chuyển nhượng toàn bộ mảnh vườn, cây cối và hoa màu cho vợ chồng ông D, bà T (Giấy chuyển nhượng lập ngày 04/10/1996, có xác nhận của Hợp tác xã P2 và Ủy ban nhân dân xã T).

Ngay sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông D, bà T xây nhà ở kiên cố và trồng nhiều loại cây lâu năm. Cả gia đình sinh sống trên thửa đất này từ đó cho đến nay, gia đình ông P không có ý kiến gì. Nhưng quá trình chung sống giữa gia đình ông D, bà T xảy ra tranh chấp ranh giới với gia đình ông Phan Minh D1. Sau đó, hai gia đình thỏa thuận và gia đình ông D, bà T chấp nhận dịch chuyển hàng rào vào 1m cạnh giáp đất ông D1 và kéo dài hết thửa đất.

Sau đó, gia đình ông D, bà T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông D1 gây khó khăn, không ký hộ liền kề. Mặt khác, gia đình phát hiện thêm ông Phan P đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 ngày 04/3/1999 đối với thửa đất đã chuyển nhượng cho ông D, bà T năm 1996. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất chồng lên phần đất của ông D (chết năm 2019) và bà T nhận chuyển nhượng của ông Phan P, đã xây nhà ở và sử dụng ổn định từ năm 1996 cho đến nay.

Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/10/1996 giữa ông Phan P với ông Phan D, với diện tích 3.200m^2, thửa đất 40, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: N, Triệu Thượng, T, Quảng Trị theo sơ đồ hiện trạng thửa đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q đo vẽ ngày 16/12/2024. Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng với diện tích 3.000m^2 theo sơ đồ hiện trạng thửa đất đo vẽ ngày 16/12/2024;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan P ngày 04/3/1999.

** Bị đơn trình bày:*

Ông Phan P thừa nhận giữa ông với ông Phan D có chuyển nhượng hoa màu theo hợp đồng ngày 04/10/1996 nhưng hợp đồng vi phạm về hình thức và nội dung (nội dung hợp đồng chỉ chuyển nhượng hoa màu và một số cây lưu niên, không chuyển nhượng đất). Ông P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 nhưng việc lập hợp đồng chuyển nhượng năm 1996 trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh* Phan Văn Đ, *chị* Phan Thị Mỹ N1, *chị* Phan Thị Mỹ N2, *chị* Phan Thị Thu S1, *chị* Phan Thị Thu N *trình bày:* việc giải quyết vụ án trên, các anh, chị là con của ông Phan D và bà Hoàng Thị T nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do điều kiện công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- *Ông* Phan Minh D1 *trình bày:* ông Phan Minh D1 đang ở và làm nhà phía Đông của thửa đất bà T (hộ liền kề) vào khoảng năm 2013. Hiện tại thửa đất ông D1 đang ở do ông Phan Minh K (cha của ông D1), địa chỉ: N, T, T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cha của ông cho ông sử dụng thửa đất này từ năm 2013 cho đến nay. Giữa gia đình ông D1 với bà T có tranh chấp về ranh giới, diện tích tranh chấp có chiều rộng 5m đến 6m (từ thửa đất của ông D1 kéo sang đất bà T), chiều dài kéo đến hết thửa đất.

- *Bà* Lê Thị O, *anh* Phan Ngọc Tinh V, *anh* Phan Ngọc Tinh S, *chị* Phan Ngọc Thùy D, *bà* Lê Thị T1, *ông* Phan Minh K*:* không có ý kiến trình bày.

- Ủy ban nhân dân huyện T*:* quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện T không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên, tại Công văn số 157/UBND-TN ngày 26/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện T trả lời kiến nghị của của bà Hoàng Thị T có nội dung: thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, ông Phan P có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất với diện tích 3.187m^2, gồm 05 thửa (trong đó có thửa 236/2, tờ bản đồ 26, mục đích sử dụng: đất màu). Ủy ban nhân dân xã T họp xét và niêm yết công khai và có tờ trình UBND huyện về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện ở N, T, T, trong đó có hộ ông Phan P. Ngày 04/3/1999, phòng Địa chính có tờ trình 09/TT-ĐC đề nghị UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 218 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 cho hộ ông Phan P với tổng diện tích 2.923m^2, gồm 04 thửa (trong đó có thửa 236/2, tờ bản đồ 26 mục đích sử dụng: đất màu). Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan P đúng quy định Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 19/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 129 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T:

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan P với ông Phan D (chồng bà Hoàng Thị T) ngày 04/10/1996, với diện tích 3.000m^2, thửa đất 40, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: N, Triệu Thượng, T, Quảng Trị có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q đo vẽ ngày 16/12/2024).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan P ngày 04/3/1999.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/3/2025, bị đơn ông Phan P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông P cho rằng hợp đồng vi phạm cả về mặt hình thức và nội dung. Văn bản không đúng quy định về công chứng, chứng thực và chưa được sự đồng ý của vợ và các con của ông P. Tại thời điểm chuyển nhượng đất ông P không có giấy tờ hợp pháp đối với lô đất nên vô hiệu. Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị T là ông Phạm Văn Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan P là ông Phùng Thế

Q1 giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông Phan P.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan P, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: ngày 04/10/1996, ông Phan P có lập "Đơn xin chuyển nhượng hoa lợi và cây lưu niên" cho ông Phan D (chồng của bà Hoàng Thị T) một mảnh vườn diện tích 3.000m^2 (80m x 40m), hoa màu và 20 cây lưu niên (mít, ổi, cam, bưởi,…), với giá 500.000đồng. Đơn xin chuyển nhượng này có xác nhận của Hợp tác xã P2 và Ủy ban nhân dân xã T. Nguyên đơn bà T cho rằng ông P đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoa màu trên đất cho vợ chồng bà; ngược lại bị đơn ông P thì cho rằng chỉ chuyển nhượng hoa màu, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì tại thời điểm chuyển nhượng ông P không có giấy tờ hợp pháp về thửa đất đó. Xét mặc dù tiêu đề ghi là chuyển nhượng hoa lợi và cây lưu niên nhưng nội dung thể hiện ông P chuyển nhượng hoa màu gắn liền với quyền sử dụng đất, diện tích 3.000m^2 đất, hoa màu, 20 cây lưu niên (mít, ổi, cam, bưởi…). Tuy việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện chuyển nhượng nhưng sau khi chuyển nhượng, bà T đã trả đủ số tiền theo thoả thuận, trồng cây lâu năm, làm nhà ở kiên cố từ năm 1996 cho đến nay, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và gia đình ông P cũng không tranh chấp. Tại phiên toà, ông Phùng Thế Q1 trình bày rằng sau khi chuyển nhượng cho bà T thì cả gia đình ông P đã dọn nhà đi nơi khác ở. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với ông D ngày 04/10/1996 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Mặt khác, tại công văn số 08/UBND ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã T có nội dung: theo bản đồ địa chính năm 1996 và năm 2018 xác định thửa đất số 236/2, tờ bản đồ 26, địa chỉ thửa đất: Triệu Thượng, T, Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị), nay là một phần của thửa đất số 440, tờ bản đồ số 20 và cũng chính là thửa đất bà T đang sử dụng. Gia đình bà T nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông P (theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/10/1996 có xác nhận của UBND xã T thời điểm đó), đất không có tranh chấp và sau khi nhận chuyển nhượng bà T xây nhà và sinh sống trên thửa đất từ năm 1996 cho đến nay. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2024 thể hiện: trên thửa đất số 236/2 có nhà cấp 4 của bà T xây dựng vào năm 1999. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông P yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không thể chấp nhận.

[1.3] Việc ông Phan Minh D1 (con của ông Phan K) cho rằng ông đang sử dụng thửa đất giáp với hộ bà T và có tranh chấp nhưng ông D1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh phần diện tích đất tranh chấp với bà T là của gia đình ông. Mặt khác, qua kết quả thẩm định, đo vẽ thì trên diện tích đất ông D1 cho rằng của ông K có các tài sản (gồm: hàng rào làm ranh giới, chuồng heo, nhà tắm, nhà vệ sinh) của hộ bà T xây dựng từ năm 1999. Đồng thời, theo bản đồ địa chính năm 1996 và bản đồ địa chính năm 2018 thì ranh giới hiện trạng giữa hộ bà T và hộ ông K đang sử dụng không có tranh chấp.

[1.4] Xét nguyên đơn bà T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 ngày 04/3/1999 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Phan P, Hội đồng xét xử thấy: theo bản đồ địa chính năm 1996 và bản đồ địa chính năm 2018 xác định thửa đất số 236/2, tờ bản đồ 26, diện tích 1.926m^2, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 cho hộ ông Phan P là một phần của thửa đất số 440, tờ bản đồ số 20 mà ông P đã chuyển nhượng cho ông D vào ngày 04/10/1996. Xét quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P thì thấy: tại thời điểm kê khai, đăng ký thửa đất số 236/2, tờ bản đồ số 26, ông P đã không còn quản lý thửa đất này nữa mà gia đình bà T đang sinh sống, quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị) vẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho hộ ông P là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn bà T là có căn cứ, cần được chấp nhận. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên gồm có 04 thửa đất, bà T chỉ tranh chấp 01 thửa đất số 236/2, tờ bản đồ số 26 nhưng án sơ thẩm tuyên huỷ toàn bộ Giấy chứng nhận là không cần thiết nên án phúc thẩm điều chỉnh lại cho cụ thể, rõ ràng hơn.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phùng Thế Q1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho nội dung kháng cáo của ông P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông P như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phan P không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan P và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 19/02/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 129 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T:

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan P với ông Phan D (chồng bà Hoàng Thị T) ngày 04/10/1996, với diện tích 3.000m^2, thửa đất số 440, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất: N, Triệu Thượng, T, Quảng Trị (nay là N, xã T, tỉnh Quảng Trị) có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q đo vẽ ngày 16/12/2024).

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 787576 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Phan P ngày 04/3/1999 đối với thửa đất số 236/2, tờ bản đồ số 26.

2. Về án phí: ông Phan P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000247 ngày 31/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị), do ông Nguyễn Văn P1 nộp thay.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên